

Số: 2408/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông  
trong giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Giao thông vận tải**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).



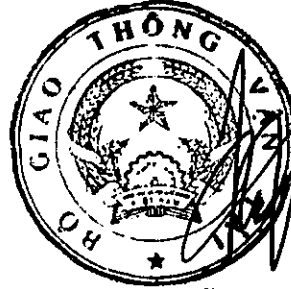
Nguyễn Văn Thế

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Các Cảng vụ hàng hải;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KSTTHC (03).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Công**



## PHỤ LỤC I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI TRONG LĨNH  
VỰC HÀNG HẢI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ  
GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-BGTVT

ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>					
<b>I- Lĩnh vực giao thông vận tải</b>					
1	B-BGT- 285634-TT	Cấp Giấy phép vận tải nội địa cho tàu nước ngoài	Thông tư số 48/2018/TT- BGTVT ngày 31/8/2018	Hàng hải	Bộ Giao thông Vận tải, Cục Hàng Hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải Việt Nam



## PHỤ LỤC II

### NỘI DUNG THỰC TRẠNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI CÔNG BỐ SỬA ĐỔI

(Kèm theo Quyết định số 1180/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 10 năm 2018  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

## 1. Cấp Giấy phép vận tải nội địa cho tàu nước ngoài

### 1.1. Trình tự thực hiện:

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng: Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài hoặc pháp nhân Việt Nam thuê tàu từ chủ tàu nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải nội địa đến Cục Hàng hải Việt Nam.
- Đối với trường hợp phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp: Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài nộp đề nghị cấp Giấy phép vận tải nội địa đến Cục Hàng hải Việt Nam.
- Đối với trường hợp vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền: Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài nộp đề nghị cấp Giấy phép vận tải nội địa đến Cảng vụ hàng hải tại khu vực mà tàu khách du lịch neo đậu.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng:

+ Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nhận trực tiếp, cán bộ nhận hồ sơ phải kiểm tra và thông báo rõ cho người nộp những nội dung cần bổ sung, sửa đổi (nếu có). Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính còn thiếu, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam thông báo rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi;

+ Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép vận tải biển nội địa đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Hàng hải Việt Nam để lấy ý kiến rộng rãi, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa theo mẫu. Trường hợp không cấp Giấy phép vận tải biển nội địa, Bộ Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Bộ Giao thông vận tải trả kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Cục Hàng hải Việt Nam để phối hợp quản lý, theo dõi.

- Đối với trường hợp phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp

+ Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nhận trực tiếp, cán bộ nhận hồ sơ phải kiểm tra và thông báo rõ cho người nộp những nội dung cần bổ sung, sửa đổi (nếu có). Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính còn thiếu, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam thông báo rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi;

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định hồ sơ, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định;

+ Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa theo mẫu. Trường hợp không cấp Giấy phép vận tải biển nội địa, Bộ Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Bộ Giao thông vận tải trả kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Cục Hàng hải Việt Nam để phối hợp quản lý, theo dõi.

- Đối với trường hợp vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền:

+ Cảng vụ Hàng hải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nhận trực tiếp, cán bộ nhận hồ sơ phải kiểm tra và thông báo rõ cho người nộp những nội dung cần bổ sung, sửa đổi (nếu có). Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính còn thiếu, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cảng vụ Hàng hải thông báo rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi;

+ Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cảng vụ Hàng hải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa theo mẫu. Trường hợp không cấp Giấy phép vận tải biển nội địa phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Cảng vụ Hàng hải trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Cục Hàng hải Việt Nam để báo cáo.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**1.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị theo mẫu;

+ 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký tàu biển;

+ 01 (một) bộ hồ sơ đăng kiểm tàu biển bao gồm các Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển (bản sao) theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-BGTVT ngày 16/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về danh mục Giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam;

+ 01 (một) bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) một trong các loại giấy tờ sau: Hợp đồng đại lý hoặc Giấy chỉ định đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài (trong trường hợp tổ chức đề nghị là đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài) hoặc Hợp đồng thuê tàu giữa chủ tàu nước ngoài với pháp nhân Việt Nam.

- Trường hợp phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp, hồ sơ bao gồm:

+ Công văn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị cho tàu nước ngoài vào vận tải nội địa;

+ 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký tàu biển;

+ 01 (một) bộ hồ sơ đăng kiểm tàu biển bao gồm các Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển (bản sao) theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-BGTVT ngày 16/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về danh mục Giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam.

- Trường hợp vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị theo mẫu;

+ 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký tàu biển;

+ 01 (một) bộ hồ sơ đăng kiểm tàu biển bao gồm các Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển (bản sao) theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-BGTVT ngày 16/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về danh mục Giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam;

+ 01 (một) bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) một trong các

loại giấy tờ sau: Hợp đồng đại lý hoặc Giấy chỉ định đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài (trong trường hợp tổ chức đề nghị là đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài) hoặc Hợp đồng thuê tàu giữa chủ tàu nước ngoài với pháp nhân Việt Nam.

+ Phương án chi tiết việc thực hiện vận chuyển hành khách và hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền và ngược lại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **1.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng:

+ Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép vận tải biển nội địa;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa.

- Trường hợp phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp:

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định hồ sơ, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định;

+ Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa.

- Trường hợp vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền: trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cảng vụ Hàng hải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa.

#### **1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.**

#### **1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết:

+ Bộ Giao thông vận tải (đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng khi tàu biển Việt Nam không đủ khả năng vận chuyển; phòng chống, khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp).

+ Cảng vụ Hàng hải (đối với tàu biển nước ngoài vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền và ngược lại bằng phương tiện trung chuyển của tàu khách đó).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông Vận tải, Cục Hàng Hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải liên quan
- Cơ quan phối hợp: Không có.

**1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép vận tải biển nội địa:

- a) Thời hạn của Giấy phép vận tải biển nội địa là 01 (một) năm được áp dụng đối với các trường hợp như sau: - Tàu biển phục vụ 01 (một) cơ sở sản xuất hàng hóa; - Loại tàu biển mà đội tàu biển Việt Nam chưa có.
- b) Thời hạn của Giấy phép vận tải biển nội địa là 06 (sáu) tháng được áp dụng đối với các loại tàu biển khác không thuộc quy định tại mục a.
- c) Trong trường hợp doanh nghiệp đề xuất thời hạn cho tàu biển nước ngoài vận tải biển nội địa, thời hạn của Giấy phép vận tải biển nội địa được cấp theo đề nghị của doanh nghiệp nhưng không quá 01 (một) năm đối với trường hợp quy định tại mục a, không quá 06 (sáu) tháng đối với trường hợp quy định tại mục b.
- d) Thời hạn của Giấy phép vận tải biển nội địa theo chuyến được áp dụng đối với tàu biển vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền và ngược lại.

**1.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận tải nội địa.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.
- Thông tư số 48/2018/TT-BGTVT ngày 31/8/2018 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.





**Mẫu:****TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /.....

....., ngày tháng năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI BIỂN NỘI ĐỊA****Kính gửi: (tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)**

- Tổ chức đề nghị: .....
- Địa chỉ: ..... Điện thoại ..... Fax .....
- Đơn vị quản lý và khai thác tàu: .....
- Địa chỉ: ..... Điện thoại ..... Fax.....
- Chủ tàu: .....
- Địa chỉ: ..... Điện thoại ..... Fax .....

.....  
**Đề nghị cho tàu biển nước ngoài vận tải biển nội địa Việt Nam với các thông tin sau:**

1. Thông tin về tàu:

- a) Tên tàu: .....; Quốc tịch: .....
- b) Năm đóng: .....; Loại tàu: .....
- c) Hồ hiệu/Số IMO: .....; Tổng trọng tải (DWT).....
- d) Tổng dung tích: .....

2. Thông tin về hàng hóa hoặc hành khách, thời hạn vận tải và tuyến vận tải:

a) Loại hàng vận chuyển hoặc số lượng hành khách:

.....

b) Thời hạn vận tải hoặc số chuyến vận tải: .....

c) Tuyến vận tải: .....

3. Giải trình rõ mục đích, lý do đề nghị cấp Giấy phép vận tải biển nội địa.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và quá trình hoạt động của tàu biển trên tại Việt Nam theo quy định của pháp luật./.

**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ***(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu: VT,...